

DANH SÁCH**Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,****thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030***(Kèm Quyết định số 803/QĐ-BD TTG ngày 20 tháng 9 năm 2026**của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)***9. THÀNH PHỐ BẮC NINH**

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
	Tổng cộng		379	321	329	109
1	Kiên Lao		18	18	18	1
		1	Họ Ao Keo	x	x	
		2	Mình Hạ	x	x	
		3	Bằng Nương	x	x	
		4	Đèo Cạn	x	x	
		5	Kiên Thành	x	x	
		6	Hợp Thành	x	x	
		7	Kiên Sơn	x	x	
		8	Gai Sơn	x	x	
		9	Mới	x	x	
		10	An Toàn	x	x	
		11	Giữa	x	x	
		12	Hà	x	x	
		13	Cống	x	x	
		14	Cầm Vải	x	x	
		15	Khuôn Thần	x	x	x
		16	Bản Mùi Phú	x	x	
		17	Phượng Năng	x	x	
		18	Chùa Rào	x	x	
2	Phượng Sơn		10	10	0	0
		1	Phượng Sơn	x		
		2	Tư Một	x		
		3	Đồng Giao	x		
		4	Trại Cháy	x		
		5	Thống Nhất	x		
		6	Quý Sơn	x		
		7	Đồng Dành	x		
		8	Phi Lễ	x		
		9	Thum Bắc	x		
		10	Xuân An	x		
3	Sa Lý		6	6	6	3
		1	Sa Lý	x	x	x
		2	Răng	x	x	x
		3	Đảng Trạm	x	x	
		4	Phong Minh	x	x	x
		5	Cả	x	x	
		6	Giảng	x	x	
4	Vân Sơn		7	7	7	6
		1	Phe	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		2	Nà Vàng	x	x	
		3	Khả	x	x	x
		4	Gà	x	x	x
		5	Sán	x	x	x
		6	Sán 3	x	x	x
		7	Dần	x	x	x
5	Đèo Gia		13	13	13	3
		1	Khả Lã 1	x	x	
		2	Khả Lã 2	x	x	
		3	Đồng Con	x	x	
		4	Tân Lập	x	x	
		5	Hòa Đồng	x	x	
		6	Tân Tiến	x	x	
		7	Cà Phê	x	x	
		8	Luông	x	x	
		9	Thung Ruông	x	x	
		10	Xạ Mới	x	x	
		11	Đồng Bụt	x	x	x
		12	Đèo Gia	x	x	x
		13	Cổng Luộc	x	x	x
6	An Lạc		9	9	9	9
		1	Kim Bảng	x	x	x
		2	Biêng	x	x	x
		3	Thác	x	x	x
		4	Đồng Bài	x	x	x
		5	Lệ Viễn	x	x	x
		6	Thanh Trà	x	x	x
		7	Rõng	x	x	x
		8	Lọ	x	x	x
		9	Chung Sơn	x	x	x
7	Dương Hưu		10	10	10	7
		1	Long Sơn	x	x	x
		2	Hạ	x	x	x
		3	Mục	x	x	x
		4	Thoi	x	x	x
		5	Bán	x	x	
		6	Thán	x	x	
		7	Tầu	x	x	x
		8	Thượng	x	x	x
		9	Đồng Làng	x	x	x
		10	Đồng Riều	x	x	
8	Yên Định		8	8	8	6
		1	Cầm Đàn	x	x	x
		2	Gốc Gạo	x	x	x
		3	Đồng Thượng	x	x	x
		4	Đồng Tiến	x	x	x
		5	Tiên Lý	x	x	x
		6	Đồng Chùa	x	x	
		7	Đồng Tầu	x	x	x
		8	Nhân Định	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
9	Đồng Kỳ		21	21	16	2
		1	Đồng Vương	x	x	
		2	La Xa	x	x	x
		3	La Lanh	x	x	
		4	Đồng Đăng	x	x	
		5	Trại Tre	x	x	x
		6	Trại Mới	x	x	
		7	Cổng Châu	x	x	
		8	Đèo Cà	x	x	
		9	Toàn Thắng	x	x	
		10	Đồng Hưu	x	x	
		11	Mỏ Hương	x	x	
		12	Trại Ba	x	x	
		13	Trại Hồng	x	x	
		14	Trại Nhất	x	x	
		15	Đồng Nghĩa	x		
		16	Trại Nhì	x	x	
		17	Cổng Huyện	x		
		18	Ngò	x		
		19	Đồng Quân	x		
		20	Trại Đảng	x	x	
		21	Trại Chuối	x		
10	Đại Sơn		11	11	11	8
		1	Giáo Liêm	x	x	x
		2	Hiệp Sơn	x	x	
		3	Làng Khang	x	x	
		4	Quế Sơn	x	x	x
		5	Khuân Cầu	x	x	x
		6	Phúc Thắng	x	x	x
		7	Đồng Muong	x	x	x
		8	Đồng Cao	x	x	x
		9	Việt Tiến	x	x	x
		10	Đá Cối	x	x	x
		11	Trung Sơn	x	x	
11	Tây Yên Tử		8	4	8	7
		1	Mậu	x	x	x
		2	Tân Phú	x	x	x
		3	Thanh Sơn		x	
		4	Néo	x	x	x
		5	Thống Nhất		x	x
		6	Náng		x	x
		7	Thanh Luận	x	x	x
		8	An Vinh		x	x
12	Biên Sơn		17	16	17	9
		1	Suối Chạc	x	x	x
		2	Rì	x	x	x
		3	Chả		x	
		4	Vựa Trong	x	x	x
		5	Vựa Ngoài	x	x	
		6	Cầu Nhạc	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		7	Phong Vân	x	x	
		8	Biên Sơn	x	x	x
		9	Hồng Tuấn	x	x	
		10	Cải	x	x	
		11	Nền Bấu	x	x	x
		12	Phổ Luồng	x	x	
		13	Trại Mới	x	x	x
		14	Hiệp Sơn	x	x	
		15	Bình Lửa	x	x	x
		16	Xé Khuyên	x	x	x
		17	Đức Thắng	x	x	
13	Xuân Lương		15	14	15	6
		1	Na Lu	x	x	
		2	Làng Dưới		x	
		3	Mỏ	x	x	
		4	Làng Trên	x	x	
		5	Nghè	x	x	
		6	Ven	x	x	
		7	Chay	x	x	
		8	Nà Táng	x	x	x
		9	Đồn	x	x	x
		10	Trại Sông	x	x	x
		11	Thia	x	x	
		12	Trại Hạ	x	x	
		13	Trại Mới	x	x	x
		14	Cây Thị	x	x	x
		15	Cây Vối	x	x	x
14	Sơn Động		14	14	14	7
		1	Thượng	x	x	x
		2	Đồng Phe	x	x	x
		3	Lái	x	x	x
		4	An Bá	x	x	x
		5	Đình	x	x	x
		6	Vĩnh Khương	x	x	x
		7	Phú Hưng	x	x	x
		8	Vá	x	x	
		9	Tam Sơn	x	x	
		10	Hạ	x	x	
		11	An Châu	x	x	
		12	An Sơn	x	x	
		13	Mai Hiền	x	x	
		14	An Lập	x	x	
15	Tuần Đạo		8	7	8	4
		1	Đồng Tâm	x	x	
		2	Sây	x	x	
		3	Linh Phú		x	
		4	Đá Bờ	x	x	x
		5	Nghèo	x	x	
		6	Am Hà	x	x	x
		7	Nam Bồng	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		8	Mùng	x	x	x
16	Tam Tiến		17	14	17	1
		1	Trại Lót	x	x	
		2	Mỏ Trạng	x	x	
		3	Diễn	x	x	
		4	Quỳnh Lâu	x	x	
		5	Hồ Tre	x	x	
		6	Đồng Tiên	x	x	
		7	Núi Lim	x	x	
		8	Tân An		x	
		9	Hồng Lĩnh	x	x	
		10	Cầu Đá	x	x	
		11	Lan Thượng		x	
		12	An Thượng		x	
		13	Tiến Bộ	x	x	
		14	Tiến Thịnh	x	x	
		15	Tiến Thắng	x	x	
		16	Rừng Chiềng	x	x	x
		17	Hợp Thắng	x	x	
17	Trường Sơn		10	5	10	0
		1	Nhân Lý		x	
		2	Mai Sru		x	
		3	Mới		x	
		4	Tân Sơn	x	x	
		5	Đồng Mạ	x	x	
		6	Gàng		x	
		7	Ao Vè	x	x	
		8	Đồng Quân	x	x	
		9	Tranh Ry		x	
		10	Ao Sen	x	x	
18	Lục Sơn		13	10	13	2
		1	Vĩnh Ninh	x	x	
		2	Vĩnh Tân	x	x	
		3	Hồ Lao	x	x	
		4	Đồng Vành	x	x	
		5	Đám Trì	x	x	
		6	Văn Non	x	x	x
		7	Hùng Sơn		x	
		8	Phú Sơn	x	x	
		9	Đồi Sơn		x	
		10	Bình Sơn	x	x	
		11	Đồng Giàng		x	
		12	Đồng Đình	x	x	
		13	Nghê Mán	x	x	x
19	Biển Động		18	14	18	3
		1	Đồng Láy	x	x	x
		2	Cầu Hồ	x	x	
		3	Quéo	x	x	
		4	Cầu Ván	x	x	
		5	Thuận	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		6	Phú Nhuận	x	x	
		7	Hòa Thanh	x	x	
		8	Đồng Phúc	x	x	x
		9	Lập Thành	x	x	x
		10	Thùng Thình	x	x	
		11	Đồng Man	x	x	
		12	Ba Lều	x	x	
		13	Khuyên Quéo	x	x	
		14	Thảo	x	x	
		15	Phổ Biền		x	
		16	Biền Trên		x	
		17	Biền Giữa		x	
		18	Biền Dưới		x	
20	Tân Sơn		15	9	15	9
		1	Bến	x	x	x
		2	Họa		x	x
		3	Bả	x	x	x
		4	Cầm Sơn		x	x
		5	Ao Vương	x	x	x
		6	Bắc Hoa	x	x	x
		7	Đồng Dau	x	x	
		8	Hà		x	
		9	Hóa		x	
		10	Khuôn Kén	x	x	x
		11	Khuôn Tỏ	x	x	x
		12	Mòng A		x	x
		13	Mòng B		x	
		14	Phổ Chợ	x	x	
		15	Thác Lười	x	x	
21	Nghĩa Phương		13	8	11	2
		1	Tòng Lệnh		x	
		2	An Phúc	x	x	
		3	Dùm	x	x	
		4	Ba Gò	x	x	x
		5	Quỳnh		x	
		6	Nghĩa An	x		
		7	Phượng Hoàng	x		
		8	Hồ Nước	x	x	
		9	Suối Ván	x	x	x
		10	Ngạc		x	
		11	Huyền Sơn		x	
		12	Chùa	x	x	
		13	Nam Sơn		x	
22	Bố Hạ		15	3	15	0
		1	Hòa Bình		x	
		2	Gia Lâm		x	
		3	Thống Nhất		x	
		4	Tam Hưng		x	
		5	Liên Tân Xuân		x	
		6	Phượng Đông		x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		7	Bo Chợ		x	
		8	Đông Sơn		x	
		9	Bình Minh		x	
		10	Đôi Hồng	x	x	
		11	Vĩ Sơn	x	x	
		12	Yên Bái		x	
		13	Hương Vĩ		x	
		14	Bo Non		x	
		15	Hồ Tiến	x	x	
23	Bảo Đài		6	6	6	2
		1	Hòn Ngọc	x	x	
		2	Đồng Yên	x	x	
		3	Hồ Sơn	x	x	
		4	Huê Vện	x	x	
		5	Bãi Lồi	x	x	x
		6	Hồ Giẻ	x	x	x
24	Chũ		16	16	0	0
		1	Kép 1	x		
		2	Chính Lương	x		
		3	Nghĩa Thành	x		
		4	Lê Duẩn	x		
		5	Minh Khai	x		
		6	Hự	x		
		7	Mịn Sậy	x		
		8	Minh Thành	x		
		9	Nội Thành	x		
		10	Hồ Tân Đức	x		
		11	Bồng Xẻ	x		
		12	Hà Thanh	x		
		13	Cầu Đền	x		
		14	Thanh Hòa	x		
		15	Giáp Thượng	x		
		16	Kim Trung	x		
25	Kép		6	6	0	0
		1	Đồng Thủy	x		
		2	Hương Nam	x		
		3	Hương Thân	x		
		4	Đồn Cầu Bằng	x		
		5	Hương Bắc	x		
		6	Việt Hương	x		
26	Nam Dương		12	8	12	3
		1	Lâm	x	x	
		2	Cảnh	x	x	
		3	Thủ Dương		x	
		4	Nam Sơn		x	
		5	Bến Huyện	x	x	
		6	Biềng		x	
		7	Nam Điện		x	
		8	Tân Mộc	x	x	x
		9	Tân Thành	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		10	Hoa Quảng	x	x	
		11	Đồng Quýt	x	x	x
		12	Đồng Iá	x	x	x
27	Yên Thế		10	10	2	0
		1	Dầm Chúc	x		
		2	Đồng Lạc	x		
		3	Đồng Tâm	x		
		4	Đồng Nhân	x		
		5	Tam Hiệp	x	x	
		6	Đồng Thép	x	x	
		7	Tân Hiệp	x		
		8	Phồn Xương	x		
		9	Hoàng Hoa Thám	x		
		10	Đề Năm	x		
28	Lục Ngạn		21	21	21	0
		1	Hạ Long	x	x	
		2	An Thịnh	x	x	
		3	Phì Điền	x	x	
		4	Vật Phú	x	x	
		5	Tân Hoa	x	x	
		6	Tam Tiến	x	x	
		7	Tân Cầu	x	x	
		8	Đồng Cốc	x	x	
		9	Đồng Phong	x	x	
		10	Hồ Du	x	x	
		11	Trường Phúc	x	x	
		12	Núi Cá	x	x	
		13	Tam Đồng	x	x	
		14	Thống Nhất	x	x	
		15	Tân Quang	x	x	
		16	Giáp Sơn	x	x	
		17	Sàng	x	x	
		18	Mai Tô	x	x	
		19	Chay	x	x	
		20	Lim	x	x	
		21	Muối	x	x	
29	Đông Phú		18	10	18	0
		1	Lương Ban		x	
		2	Cây Đa	x	x	
		3	Tân Tiến		x	
		4	Đồng Tiến		x	
		5	Rìa		x	
		6	Đức Giang		x	
		7	Phong Quang	x	x	
		8	Đồng Hưng	x	x	
		9	Đồng Sơn	x	x	
		10	Cai Vàng	x	x	
		11	Va		x	
		12	Trại Mít	x	x	
		13	Trại Quan	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		14	Đồng Cống	x	x	
		15	Trường Khanh		x	
		16	Trại Ruộng	x	x	
		17	Đạo Lưới	x	x	
		18	Tân Dân		x	
30	Sơn Hải		11	10	11	9
		1	Cái Cạn	x	x	
		2	Khuôn Trang	x	x	x
		3	Hợp Thành	x	x	x
		4	Đồng Phai	x	x	x
		5	Na Hem	x	x	
		6	Héo A		x	x
		7	Cổ Vài	x	x	x
		8	Tam Chẽ	x	x	x
		9	Cầu Sắt	x	x	x
		10	Đáp	x	x	x
		11	Đồng Mậm	x	x	x
31	Lạng Giang		3	3	0	0
		1	Trung Hương	x		
		2	Nam Hương	x		
		3	Yên Mỹ 2	x		